

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2023

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023, UBND huyện đã ban hành các Quyết định giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, các trường học thuộc huyện¹.

Bám sát các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ, sự lãnh đạo, giám sát chặt chẽ của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2023. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn, thị trường thu hẹp, đơn hàng sụt giảm, giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao... cùng với những khó khăn nội tại, đã ảnh hưởng đến việc triển khai nhiệm vụ dự toán NSNN năm 2023.

I. Kết quả thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2023

1. Về thu ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước là: 1.544.460.583.930 đồng (dự toán 714.922.000.000 đồng) đạt 216,03% so với kế hoạch.

1.1. Thu ngân sách trên địa bàn: 73.234.297.975 đồng, đạt 72,51% so với kế hoạch huyện giao (101.000.000.000 đồng) và 81,37% so với dự toán tỉnh giao (90.000.000.000 đồng); trong đó ngân sách huyện được hưởng sau khi trừ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh là 64.640.272.557 đồng/96.350.000.000 đồng,

¹ Quyết định số 4886/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các xã, thị trấn; Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị; Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc huyện

đạt 67,09% kế hoạch huyện giao, sau khi loại trừ tiền thu sử dụng đất (6.333.820.603 đồng) thì số thu đưa vào cân đối ngân sách huyện là 58.306.451.954 đồng, đạt 80,31% so với dự toán huyện giao (72.600.000.000 đồng) và 81,43% so với dự toán tỉnh giao (71.600.000.000 đồng).

1.2. Thu các khoản đóng góp: 634.332.800 đồng.

Trong đó:

- Nguồn huy động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19: 346.332.800 đồng.
- Nguồn đóng góp tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 55 năm ngày Chiến thắng Khe Sanh - Giải phóng Hướng Hóa (09/7/1968 - 09/7/2023): 288.000.000 đồng (Công ty Cổ phần điện gió LIG - Hướng Hóa 1: 60.000.000 đồng, nguồn đóng góp khác: 228.000.000 đồng).

1.3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 831.148.550.996 đồng/DT 609.813.000.000 đồng, đạt 136,3% so với dự toán.

Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 587.920.000.000 đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 243.228.550.996 đồng, trong đó thu bổ sung thực hiện các Chương trình MTQG: 187.893.000.000 đồng.

1.4. Thu kết dư ngân sách năm trước: 1.146.277.638 đồng.

1.5. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 269.905.989.369 đồng.

1.6. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 9.553.839.485 đồng.

1.7. Thu Hải quan: 358.837.295.667 đồng.

(Kèm theo phụ lục số 01)

2. Về chi ngân sách

Tổng chi ngân sách năm 2023 là 1.167.442.429.350 đồng, đạt 163,30% so với dự toán huyện giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 213.357.765.451 đồng, đạt tỷ lệ 73% so với kế hoạch, trong đó, chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn các Chương trình MTQG: 132.091.470.542 đồng.

- Chi thường xuyên: 764.236.296.978 đồng, đạt tỷ lệ 118,30% so với kế hoạch, trong đó, chi từ nguồn vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG: 28.603.250.418 đồng.

- Chi chuyển nguồn: 180.294.527.436 đồng, trong đó, chi chuyển nguồn nguồn vốn các Chương trình MTQG là 120.184.110.429 đồng.

- Chi nộp ngân sách cấp trên: 9.553.839.485 đồng.

(Kèm theo phụ lục số 02)

II. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2023

1. Về dự toán thu

Thu NSNN năm 2023 không đạt dự toán được giao. Một số khoản thu chủ yếu cụ thể như sau:

- Thu thuế công thương nghiệp, ngoài quốc doanh (thuế GTGT, thuế TNDN, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt): 26.137.662.364 đồng/31.500.000.000 đồng, đạt 82,98% so với kế hoạch.

- Lệ phí trước bạ: 15.000.296.537 đồng/20.970.000.000 đồng, đạt 71,53% so với kế hoạch.

- Thu phí và lệ phí: 3.314.815.798 đồng/3.500.000.000 đồng, đạt 94,71% so với kế hoạch.

- Thuế thu nhập cá nhân: 6.185.059.506 đồng/9.000.000.000 đồng, đạt 68,72% so với kế hoạch.

Đa số các khoản thu đều chưa đạt chưa đạt tiến độ do nhiều nguyên nhân:

- Thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng, chưa có sự chuyển biến; giá điện của dự án điện gió giảm 21% đã làm chậm triển khai các dự án; thuế vãng lai giảm từ 2% xuống còn 1% thu từ các doanh nghiệp xây dựng ngoại tỉnh và những tác động trên chính trường quốc tế đã làm giá xăng dầu, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh tăng cao đã ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh. Số thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh chủ yếu từ khoản trích nộp 1% thuế GTGT của hoạt động xây dựng cơ bản vãng lai ngoại tỉnh nhưng số thuế phát sinh trong kỳ nộp thấp.

- Nguyên nhân từ cơ chế, chính sách như việc triển khai Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2023 đã ảnh hưởng đến số thu của 6 tháng đầu năm 2023. Thực hiện giảm thuế GTGT từ 10% xuống còn 8% theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ (ước số thuế GTGT năm 2023 giảm 06 tỷ đồng). Thực hiện giảm 50% lệ phí trước bạ ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước từ 01/7/2023 đến 31/12/2023 theo Nghị định số 43/2023/NĐ-CP của Chính phủ (ước lệ phí trước bạ năm 2023 giảm 03 tỷ đồng). Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trên địa bàn thành lập mới từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi

thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm và hầu hết đang trong giai đoạn được miễn 04 năm đầu, hoặc giảm 50% số thuế phải nộp 09 năm tiếp theo, nên số thuế TNDN phát sinh hạn chế.

- Các chính sách giảm tiền thuê đất, gia hạn nộp thuế để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh đã làm giảm hụt nguồn thu NSNN.

Thu khác ngân sách: 9.886.003.355 đồng/8.000.000.000 đồng, đạt 123,58% so với kế hoạch. Trong đó, số thu không thường xuyên là 4.223.659.000 đồng (*nguồn hỗ trợ di dời công trình công cộng ra khỏi vùng bị ảnh hưởng dự án Điện gió Phong Liệt*). Nếu trừ đi số thu không thường xuyên trên thì số thu khác ngân sách là 5.662.344.355 đồng, đạt 70,78% so với dự toán tình giao.

Trong năm, chưa thực hiện được kế hoạch đấu giá đất, do đó thu sử dụng đất chỉ đạt 26,67% so với dự toán, ảnh hưởng đến nguồn vốn xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện.

2. Về chi ngân sách

Nhìn chung, các nhiệm vụ chi ngân sách những tháng đầu năm được đảm bảo theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Năm 2023 là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của huyện. UBND huyện đã cân đối nguồn kinh phí, hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày Chiến thắng Khe Sanh - Giải phóng Hướng Hóa (09/7/1968 - 09/7/2023). Các nhiệm vụ chi thường xuyên được thực hiện đảm bảo theo dự toán và tiến độ triển khai thực hiện của chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách; đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh ngoài dự toán; đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

Cụ thể như sau:

- Phân bổ kịp thời kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách kịp thời như: Chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa; chính sách miễn thu thủy lợi phí, các chế độ chính sách cho học sinh, giáo viên; chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; chính sách bảo trợ xã hội (kinh phí quyết toán chi cho các chế độ chính sách năm 2023 hơn 106 tỷ đồng).

- Phân bổ, đối ứng nguồn kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh, Đề án của HĐND huyện kịp thời, đúng chế độ: Đối ứng kinh phí thực hiện Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về

chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2026; Kế hoạch số 470/KH-UBND ngày 15/9/2022 của UBND huyện về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 19/12/2019 của Huyện ủy Hướng Hóa; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND huyện thông qua đề án "Chuyển đổi, phục hồi một số diện tích đất trồng cây kém hiệu quả trên địa bàn huyện Hướng Hóa giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" (hơn 3,8 tỷ đồng).

- Cân đối, đảm bảo kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày Chiến thắng Khe Sanh - Giải phóng Hướng Hóa (09/7/1968 - 09/7/2023) (hơn 5,3 tỷ đồng).

- Đảm bảo kinh phí tổ chức diễn tập phòng thủ cấp huyện, cấp xã năm 2023 thành công (4,5 tỷ đồng).

- Phân bổ và hướng dẫn thực hiện nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 và nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Kinh phí giải ngân thực hiện các Chương trình MTQG trong năm 2023 là hơn 160 tỷ đồng.

- Quản lý chi chặt chẽ, triệt để, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán, tiết kiệm các khoản chi ngân sách; chủ động dành nguồn lực cho các nhiệm vụ cấp bách, đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

- Thực hiện quyết toán các chế độ, chính sách đảm bảo thời gian quy định.

III. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

Quy mô nguồn thu còn hạn hẹp; thu nội địa và thu cân đối ngân sách địa phương hưởng chưa đạt tiến độ dự toán, đa số các khoản thu đều chưa đạt dự toán.

Việc phải cân đối nguồn kinh phí, đảm bảo các nhiệm vụ chi cho ngân sách huyện trong điều kiện số thu trên địa bàn không đạt được theo tiến độ, mặc dù trong năm UBND huyện cắt giảm nhiều khoản chi chưa thực sự cần thiết của các đơn vị dự toán, tuy nhiên nhu cầu để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm là khá lớn, đặt ra yêu cầu khó khăn cho ngân sách huyện.


Công tác giải ngân vốn đầu tư công và nguồn vốn các Chương trình MTQG chưa đạt được theo tiến độ. Nguồn vốn các Chương trình MTQG kéo dài sang năm 2024 lớn, tạo áp lực về giải ngân vốn đầu tư trong năm 2024.

2. Nguyên nhân


Thu NSNN chưa đạt xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu từ các yếu tố khách quan như thị trường, sự thay đổi các cơ chế, chính sách về thuế...

Việc giao dự toán từ ngân sách cấp trên không thay đổi trong suốt thời kỳ ổn định ngân sách, những sự kiện lớn phát sinh trong năm chưa nhận được nhiều sự hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

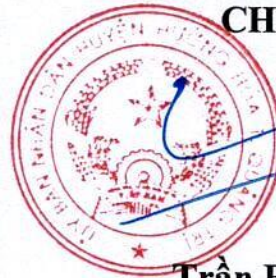
Việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG còn gặp một số vướng mắc, khó khăn do đặc thù của địa bàn huyện. Một số dự án, tiểu dự án không thể triển khai thực hiện do chưa có hướng dẫn.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của UBND huyện Hướng Hóa. /: 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- C, PVP, CV;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Trần Bình Thuận

BÁO CÁO THU NSNN NĂM 2023 HUYỆN HƯỚNG HÓA

(Kèm theo Báo cáo số: **501**/BC-UBND ngày **09**/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)



A. PHÂN THU

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán 2023		Thực hiện năm 2023	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
	A	1		2	3
Tổng số	699.813.000.000	714.922.000.000	1.544.460.583.930	220,70%	216,03%
Thu NS địa phương được hưởng			1.168.459.653.947		
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	90.000.000.000	101.000.000.000	73.234.297.975	81,37%	72,51%
Thu nội địa	90.000.000.000	101.000.000.000	73.234.297.975	81,37%	72,51%
<i>Trong đó: NSDP được hưởng (đã trừ NSTW, NS tỉnh)</i>	<i>85.850.000.000</i>	<i>96.350.000.000</i>	<i>64.640.272.557</i>	<i>75,29%</i>	<i>67,09%</i>
<i>Sau khi loại trừ tiền thu SĐĐ, huyện hưởng</i>	<i>71.600.000.000</i>	<i>72.600.000.000</i>	<i>58.306.451.954</i>	<i>81,43%</i>	<i>80,31%</i>
1. Thuế công thương nghiệp	31.000.000.000	31.500.000.000	26.137.662.364	84,32%	82,98%
+ NS Trung ương			2.597		
+ Tỉnh			2.019.539.074		
+ Huyện			21.622.753.661		
+ Xã			2.495.367.032		
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0		
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (cấp xã)	30.000.000	30.000.000	114.241.095	380,80%	380,80%
4. Thu tiền sử dụng đất	15.000.000.000	25.000.000.000	6.667.179.580	44,45%	26,67%
+ Tỉnh	750.000.000	1.250.000.000	333.358.977	44,45%	26,67%
+ Huyện	14.250.000.000	23.750.000.000	6.333.820.603	44,45%	26,67%
5. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	1.000.000.000	1.000.000.000	591.130.395	59,11%	59,11%
+ Tỉnh		0	57.589.350		
+ Huyện		0	533.541.045		
6. Thu tiền cấp quyền khai thác			747.542.829		
+ Tỉnh	0	0	232.814.629		
+ Huyện	0	0	514.728.200		
7. Lệ phí trước bạ	20.470.000.000	20.970.000.000	15.000.296.537	73,28%	71,53%
+ Huyện			14.373.627.625		
+ Xã			626.668.912		
8. Thu phí, lệ phí	3.500.000.000	3.500.000.000	3.314.815.798	94,71%	94,71%
+ Trung ương	1.400.000.000	1.400.000.000	1.120.289.653	80,02%	80,02%
+ Tỉnh			286.380.000		
+ Huyện, xã, phường	2.100.000.000	2.100.000.000	1.908.146.145	90,86%	90,86%
9. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc SHNN					
10. Thuế thu nhập cá nhân	9.000.000.000	9.000.000.000	6.185.059.506	68,72%	68,72%
+ Tỉnh			-445.762.378		
+ Huyện, xã, phường			6.630.821.884		
11. Thu khác ngân sách	8.000.000.000	8.000.000.000	9.886.003.355	123,58%	123,58%
- Tỉnh hưởng			399.447.000		
- Huyện hưởng			9.272.850.061		
- Xã hưởng			213.706.294		
12. Thu khác NS Trung ương	2.000.000.000	2.000.000.000	4.590.366.516	229,52%	229,52%
13. Thu tại xã	0	0	0		
B. Thu các khoản đóng góp			634.332.800		
C. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	609.813.000.000	609.813.000.000	831.148.550.996	136,30%	136,30%
1. Thu bổ sung cân đối	587.920.000.000	587.920.000.000	587.920.000.000	100,00%	100,00%
2. Thu bổ sung có mục tiêu	21.893.000.000	21.893.000.000	243.228.550.996	1110,99%	1110,99%
D. Thu kết dư ngân sách năm trước			1.146.277.638		
<i>Trong đó:</i>					
+ Kết dư ngân sách cấp huyện			527.338.698		
+ Kết dư ngân sách xã			618.938.940		
E. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		500.000.000	269.905.989.369		
F. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			9.553.839.485		
- Ngân sách tỉnh			8.569.608.898		
- Ngân sách huyện			984.230.587		
G. Các khoản thu để lại ĐV chỉ quản lý qua NS		8.259.000.000	0		
H. Thu Hải quan			358.837.295.667		

BÁO CÁO CHI NSNN NĂM 2023 HUYỆN HƯỚNG HOÁ
(Kèm theo Báo cáo số: **501**/BC-UBND ngày **09/7/2023** của Ủy ban nhân dân huyện)



B. PHẦN CHI

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán 2023		Số chi NSNN năm 2023	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/1</i>	<i>5=3/2</i>
Tổng số	695.663.000.000	714.922.000.000	1.167.442.429.350	167,82%	163,30%
A. Tổng chi cân đối NSDP	695.663.000.000	706.663.000.000	977.594.062.429	140,53%	138,34%
I. Chi đầu tư phát triển	37.178.000.000	47.178.000.000	213.357.765.451	573,88%	452,24%
II. Chi thường xuyên	645.010.000.000	646.010.000.000	764.236.296.978	118,48%	118,30%
1. Chi quốc phòng - An ninh	15.706.000.000	17.128.957.000	33.732.399.741	214,77%	196,93%
- Chi quốc phòng	12.325.000.000	13.850.195.000	24.479.142.215	198,61%	176,74%
- Chi an ninh	3.381.000.000	3.278.762.000	9.253.257.526	273,68%	282,22%
2. Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	418.658.000.000	418.658.000.000	452.457.267.954	108,07%	108,07%
3. Chi sự nghiệp y tế	50.000.000	50.000.000	1.477.533.750	2955,07%	2955,07%
4. Chi sự nghiệp dân số					
5. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	5.294.000.000	5.294.200.000	7.803.258.472	147,40%	147,39%
6. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	210.000.000	210.000.000	503.725.000		
7. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	290.000.000	289.800.000	800.844.760	276,15%	276,34%
8. Chi sự nghiệp đảm bảo, xã hội	52.213.000.000	51.927.791.000	58.126.019.829	111,32%	111,94%
9. Chi sự nghiệp kinh tế	6.161.000.000	8.127.735.000	44.800.279.101	727,16%	551,20%
10. Chi sự nghiệp môi trường	4.020.000.000	4.020.000.000	5.067.972.351	126,07%	126,07%
11. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	142.408.000.000	140.303.517.000	157.017.298.620	110,26%	111,91%
12. Chi khác ngân sách			2.449.697.400	#DIV/0!	
13. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu			0		
III Chi dự phòng ngân sách (*)	13.475.000.000	13.475.000.000	0		
B. Chi chuyển nguồn NS năm sau	0	0	180.294.527.436		
C. Chi từ nguồn thu để lại q.ly qua NSNN	0	8.259.000.000			
D. Chi nộp trả ngân sách cấp trên (*)	0	0	9.553.839.485		
E. Chi tạm ứng	0	0	0		
F. Các khoản chi khác ngoài công thức			0		